

Distinguishing Words – No 1 (key)

Identify the following words' differences:

Notes : STH = something : 1 c, i g×

One 's... : TÝnh tõ sẽ h÷u +

SB = somebody : 1 ai @ã

SWH = somewhere : 1 n-i nµo @ã.

Oneself : @'i tõ ph¶n th©n .

1. **accept (v) – agree (v)** chÊp nh'n , @ång ý , ng thuËn

agree + to + V_inf

agree + (that) + clause

accept + N

Egs: My father agreed to give me a car.

My father accepted his invitation.

Notes: agree with SB/ to STH : @ång ý vói ai/ vÒ viÖc g×

2. **beat (v) – hit (v)** @, nh

• beat : ðĩng vËt g× mµ @, nh

• hit : ðĩng tay mµ @, nh (t, t , v¶...))

Egs: I beat him with a stick.

I hit him with my hand.

3. **contain (v) – consist of (v)** bao g¸m, chøa @ùng

• contain : g¸m c¸ (chØ vÒ n¸i dung, sù chøa @ùng)

• consist of : lµm b»ng (chØ vÒ chÊt liÖu)

Egs: This house consists of stone and iron.

This box contains sugar.

4. **cry (v) – weep (v)** kh¸c

• cry : kh¸c ra tiÕng, kh¸c n¸c n¸.

• Weep : kh¸c thót thÝt , kh¸c thÇm lÆng.

Egs: He cries like a baby.

My sister weeps in the dark.

5. **injure (v) – wound (v)** lµm bÞ th-ng

• injure : lµm bÞ th-ng nhÑ vµ kh«ng @æ m,u.

• wound : nghÜa m'nh h-n, bÞ th-ng nÆng h-n , th¸ng c¸ @æ m,u.

Egs : He fell down from a high tree and injured himself.

I was shot and wounded.

6. **learn (v) – study (v)** h¸c

• learn : h¸c c, i g×

• study : h¸c (n¸i chung)

Egs: She is learning English now.

She is studying now.

HoÆc : She is studying English now.

Nhng kh«ng ®íc viÖt : ~~She is learning now~~ . (sai)

7. **convince (v) – persuade (v)** thuyÖt phóc

- convince : lµm cho ai ®ã tin phóc.
- Persuade : thuyÖt phóc ai lµm g×.

Egs : I am convinced of his probity.

I cannot persuade him to go away.

8. **be made of (v) – be made from (v)** ®íc lµm tã

- be made of : lµm b»ng (nÕu vËt ®íc lµm ra ta **vËn nh×n** ra ®íc vËt liÖu t'õ n'õn vËt ®ã.)
- be made from : lµm b»ng (nÕu vËt ®íc lµm ra ta **kh«ng nh×n** ra ®íc vËt liÖu t'õ n'õn vËt ®ã.)

Egs : House are made of wood.

Cakes are made from flour and sugar.

9. **revenge (v) – avenge (v)** tr¶ thĩ

- revenge : tr¶ thĩ mét sù bÊt c«ng ai ®ã lµm ra cho m×nh (tr¶ thĩ cho chÝnh m×nh)
- avenge : tr¶ thĩ mét sù bÊt c«ng ai ®ã lµm ra cho 1 ngêi kh,c (tr¶ thĩ cho ngêi kh,c).

Egs : I ®ecide to revenge the insult.

I will avenge my father's death upon the murderer.

Notes: revenge = take revenge on ... = have one's revenge .

10. **raise (v) – rise (v)** t'ng , gi

- raise STH : gi/kĐo/t'ng c,i g×.
- STH rise : c,i g× t'ng/®i l'õn .

Egs : I raise my hand .

The price is rising now .

11. **steal (v) – rob (v)** ãn trém , cíp

- steal : ãn trém (®ã vËt g×)
- rob : ãn trém / ãn cíp (ngêi , ng©n hµng, tiÒn, nhµ cõa, trêng híp ...)

Notes : * steal STH from SB/SWH : trém g× cõa ai / trém g× ë ®©u

* rob SB of STH : cíp g× cõa ai .

12. **say (v) – tell (v)** kÓ , b¶o

* say (said / said) + to + SB # tell (told / told) + SB

* “say” ðĩng trong c©u tróc tiÖp vµ khi ðĩng trong c©u gi,n tiÖp th× kh«ng ®íc cã “To + SB” theo sau .

* “tell” ðĩng trong c©u gi,n tiÖp.

* Mét sè thñnh ng÷ cè ®Pnh :

Say a good word for : nãi tèt vÒ ai / bÇu cõ cho ai

Say one's opinion : ph,t biÓu ý kiÖn

Tell the truth/ a lie / a story / the time / a secret / the price / one's name : kÓ sù thËt / nãi dèi / kÓ 1 c©u chuyÖn / b, o giê / nãi gi, / xng t^an .

13. **go to bed (v) – sleep (v)** ngñ

- go to bed : ®i ngñ (hñnh ®éng sũa so¹n- cã thÓ lụ chØ n»m chø cha thùc sù ngñ)
- sleep : ngñ (§· ngñ rãi)

Egs : I go to bed at 9 pm but only sleep 11.(t«i ®i ngñ lúc 9h nhng ®Ön 11h mới ngñ ®íc)

14. **smile (v) – laugh (v)** cêi

- smile : (v) cêi kh«ng ra tiÖng (mØm cêi)
- laugh : cêi ra tiÖng (cêi ré ; cêi vang)

15. **receive (v) – take (v) – get (v) – obtain (v)** nhËn , lËy ®íc

- 4 tở tr^an chØ cã thÓ ph©n biÖt ðưa vào c, c cËu tróc sau :
- take / get STH from SWH = remove STH : lËy c, i g× ra tở ®©u
- take SB to SWH : ®a ai ®i ®©u.
- get / obtain STH ; nhËn / lËy ®íc c, i g× (mét c, ch chñ ®éng) – nh lụ : lËy th«ng tin / tin tởc rõ ti vì
- receive STH : nhËn (mét c, ch thô ®éng) – nh lụ : nhËn th

16. **testament (n) – will (n)** di chúc

- testament : di chúc (lụ mét lèi nãi / di chúc b»ng lèi nãi , nãi tríc mãi ngêi) □ ®íc ðpch lụ : lèi tuy^an bè tríc mãi ngêi / c«ng chóng .
- will : di chúc (mét vⁿ b¶n/ tở giËy ph, p luËt cho biÖt sù ph©n chia cña c¶i, tiÖn b¹c nh thÖ nựo sau khi chØt)

17. **rent (v) – hire (v)**

- rent : thu^a (trong time ng³/4n)= let . thßng lụ thu^a : xe , nh©n c«ng
- hire : thu^a (trong time ðui) – thßng lụ thu^a nhự

18. **scene (n) – scenery (n) – view (n) – sight (n)** c¶nh / quang c¶nh

- scenery : c¶nh (ẽ 1 xõ / 1 miÖn réng lín) – nãi kh«ng cã sè nhiÖu , nãi lụ danh tở kh«ng ®Öm ®íc)
- scene : c¶nh (ẽ 1 n-i/ 1 miÖn ri«ng biÖt – 1 n-i bÐ h-n)
- view : c¶nh (®íc nh×n tở mét n-i nựo ®ã – nh lụ : tở cõa sã / tr^an cao ...) – View of STH from SWH : c¶nh nựo nh×n tở ®©u
- sight : c¶nh nãi chung (thõng ðĩng cho bËt k× c¶nh xËu hay ðĩp)

Egs : The scenery round Mistras is magnificent . c¶nh quanh Mistras thËt huy hoøng.

The scene of this lake is very nice.

The view of Dalat from the top of Lang-Biang is nice.

The place was only a horrible sight after the fire.

19. **shade (n) – shadow (n)** bãng

- shade : bãng m, t / chặ r©m .
- shadow : bãng h×nh cña ngêi/ vËt.

20. **industrious (adj) – industrial (adj)**

- industrious : cÇn cĩ , si«ng n«ng

- industrial : (thuốc) c«ng nghiÖp

21. journey (n) – trip (n) – voyage (n) – travel (n) – travels (n) chuyÖn ®i

- trip : lµ 1 chuyÖn ®i nhÊt thêi , 1 sù ng³/4t qu·ng t×nh tr¹ng ë mét n¬i cô thÓ .

Note : a business trip : 1 chuyÖn ®i c«ng t,c .

- journey : nãi ®Ön h×nh ®éng ®i ®©y ®i ®ã , ®Æc biÖt lµ ®i víi mét ®o'n ®êng dui tr¹n ®Êt liÖn .
- voyage : lµ 1 chuyÖn ®i biÖn
- travel : chñ yÖu d×nh nh 1 ®éng tã , kh«ng ph¶i danh tã , khi lµ danh tã th× nã lµ 1 danh tã kh«ng ®Öm ®ícµ cũ nghÜa lµ “du lÞch”
- travels : tÛp h×p nh÷ng chuyÖn ®i ko cô thÓ chuyÖn ®i nµo.

Egs: We ‘re taking a weekend trip to paris.

It’s really long journey by car from coast to coast across the USA.

We had a voyage to Japan by ship.

I always prefer to travel by air if I can .

I suppose you will be writing about your travels when you return home.

22. specially (adv) – especially (adv) §Æc biÖt

- specially : n»m ë trong c©u : theo phong c, ch / v× môc ®Ých riªng .
- especially + N/ADV of time : ®Æc biÖt lµ .

Egs: I speak to you specially .

I like 4 seasons especially the summer .

23. wear (v) – put on (v) – dress (v) mÆc

- wear : chØ 1 t×nh tr¹ng mÆc . (the girl who wears)
- put on : chØ h×nh ®éng mÆc . (she is putting on ...)
- dress + SB : mÆc quÇn ,o cho ai .
- dress + oneself : mÆc quÇn ,o .

24. stupid (adj) – stupidity (n) – foolish (adj) ngu ngéc

- stupid : ngu (nghÜa m¹nh – ngu ngéc)
- foolish : ngu (nghÜa nhÑ h¬n – ngéc nghÖch)
- stupidity : lµ danh tã kh«ng ®Öm ®íc – n³n ko bao giê cũ “stupidities” - sù ngu xuÊn

25. reward (n) (v) – award (n) (v) thëng

- reward (n) : lµ mét phÇn thëng ®íc cho thay cho 1 h×nh ®éng/ 1 c, ch ®èi sã (mang tÝnh thùc tã).
- Award (n) lu«n lµ 1 trong 2 thờ sau : huy ch¬ng hoÆc vÛt trang trÝ , vµ tiÖn hoÆc quyÖn lîi mµ luÛt ®a ra cho ngêi nµo.
- XÐt vÒ ®éng tã :

Be reward for + V_ing : ®íc thëng cho lµm g×.

Be award STH . ®c thëng c,i g×

26. as – like : giëng nh

- As + Clause (mÖnh ®Ò) □ as lµ liªn tã * Like + N/®i tã □ like lµ giú tã
- Côm tã : As a result

Egs : - Please do as I say - He acts like a king .

27. wage (n) – wages (n) – salary (n)

- a salary : lự ti^{an} l^{ng} tr^{ll} hụng th,ng .
- wage vµ wages : lự l^{ng} tr^{ll} hụng nguy hay hụng tuÇn .
- wages thêng ®öng tríc 1 ®éng tö .

28. occasion (n) – chance (n)

- occasion : lự 1 dßp (nãi vÒ mét sù kiÖn nưo ®ã)
- chance = opportunity : c^h héi (®Ön 1 c, ch ngÉu nhi^{an} á ®c t'o ra)

Egs : On the occasion of vna teacher's day

She 's coming ! this is your chance .

29. cancel (v) – postpone (v) – delay (v) tr× ho·n

- cancel : ngⁿ c^{ll}n ko cho viÖc g× x^{ll}y ra = prevent from
- postpone : dôi / ho·n l'i .
- delay = postpone : lựm chËm, ho·n l'i .
- cancel/delay + V_{ing}
- postpone + to + V

Egs: we had to postpone this match because of raining.

We had to cancel exploding plane .

30. sick (adj) – ill (adj) èm

- be ill : èm = feel/become/get ill
- be sick = vomit (v) = feel sick : s^{3/4}p n«n, buån n«n .
- sick + N : yÖu
- be ill with : bß èm
- be sick of : = be fed up with : ch,n
- be sick with : ph,t èm v×

Egs : I am ill . t«i ®ang èm .

I am sick . t«i cã c^{ll}m gi,c buån n«n .

He is a sick man . anh ta lự 1 ngêi yÖu .

-----continued-----